

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2017/DS-ST

Ngày: 25/9/2017

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mỹ Huệ

2. Ông Lê Văn Lý

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương- Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2016/TLST-DS ngày 01/11/2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 469/2017/QĐXXST-DS ngày 17/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 330/2017/QĐST – DS ngày 05/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Trụ sở: số nhà 266 - 268 đường V, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Ngọc K, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 118/9 đường L, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm: 1987

Địa chỉ: số nhà 19/4 đường M, Khu phố N, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2016 của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền ông Lê Ngọc K:

Ngày 03/12/2013, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng S) có nhận được hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Trọng T. Sau khi xem xét đề nghị của ông T, Ngân hàng S căn cứ vào điều kiện, mức thu nhập của ông T đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng tối đa 14.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì mức lãi suất đối với hạn mức thẻ được cấp là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn. Ông T đã nhận thẻ và thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 30.280.000 đồng. Sau khi sử dụng thẻ, ông T thanh toán tiền cho Ngân hàng không đúng quy định, tính đến ngày 03/5/2015 sau nhiều đợt thanh toán thì tổng số tiền ông T đã thanh toán là 20.890.000 đồng. Do ông T vi phạm thời hạn thanh toán nên ngày 06/5/2015 Ngân hàng đã chấm dứt hoạt động thẻ tín dụng của ông T và chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc thành nợ quá hạn. Đến nay Ngân hàng S yêu cầu ông T phải thanh toán ngay số tiền 29.327.427 đồng, trong đó nợ gốc 15.120.557 đồng và nợ lãi quá hạn 14.206.870 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông T, đồng thời triệu tập ông T đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Trọng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn cùng giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/11/2013 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định vào ngày 18/11/2013 bị đơn có đề nghị nguyên đơn cấp thẻ tín dụng hạn mức 15.000.000 đồng. Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện của bị đơn, Ngân hàng đã phê duyệt đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức tín dụng 14.000.000 đồng cho bị đơn.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc thanh toán số tiền đã giao dịch bằng thẻ tín dụng. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn và bản tóm tắt sao kê ngày 25/9/2017, căn cứ hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng và đơn xin miễn giảm lãi ngày 19/7/2017 của bị đơn do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã nhận thẻ tín dụng và thực hiện giao dịch, tổng cộng bị đơn đã có 12 lần giao dịch bằng thẻ tín dụng với tổng số tiền 30.280.000 đồng trong thời gian từ ngày 05/01/2014 đến ngày 05/12/2014. Sau các lần giao dịch, từ ngày 05/01/2014 đến ngày 05/02/2015 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 20.890.000 đồng, các khoản phí và lãi suất phát sinh đến ngày 05/6/2015 là 5.730.557 đồng được ưu tiên thanh toán trước, số còn lại 15.159.443 đồng được trừ vào nợ gốc nên số tiền gốc bị đơn còn nợ là 15.120.557 đồng.

Xét, do bị đơn đã giao dịch vượt quá hạn mức và vi phạm về thời gian thanh toán nên ngày 05/6/2015 nguyên đơn đã chuyển số tiền 15.120.557 đồng thành nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn phải thanh toán 14.206.870 đồng tiền lãi suất quá hạn từ ngày 05/6/2014 cho đến ngày 25/9/2017 là phù hợp với quy định tại mục 22, 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” đối với ông Nguyễn Trọng T;

Ông Nguyễn Trọng T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ 29.327.427 (hai mươi chín triệu ba trăm hai bảy ngàn bốn trăm hai bảy) đồng, (nợ gốc 15.120.557 đồng và tiền lãi suất 14.206.870 đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về tiền lãi: Ông Nguyễn Trọng T phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 26/9/2017 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo lãi suất được quy định tại mục 22 và mục 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trọng T phải chịu 1.466.371 (một triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm bảy một) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại 557.631 (năm trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm ba một) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014181 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7 a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lữ